



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Kinh doanh Khí Miền Nam

Ngày 30/09/2025	45,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.9%	45.6%	54.7%

DT thuần Q3/25
1,494
tỷ VNĐ
QoQ: ▼184 -11.0%
YoY: ▼148 -9.0%

LN thuần Q3/25
45.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.30 13.3%
YoY: ▼0.10 -0.3%

LN sau thuế Q3/25
36.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.10 3.0%
YoY: ▲ 1.00 2.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
3.3%
YoY: +/-▲ 0.6%

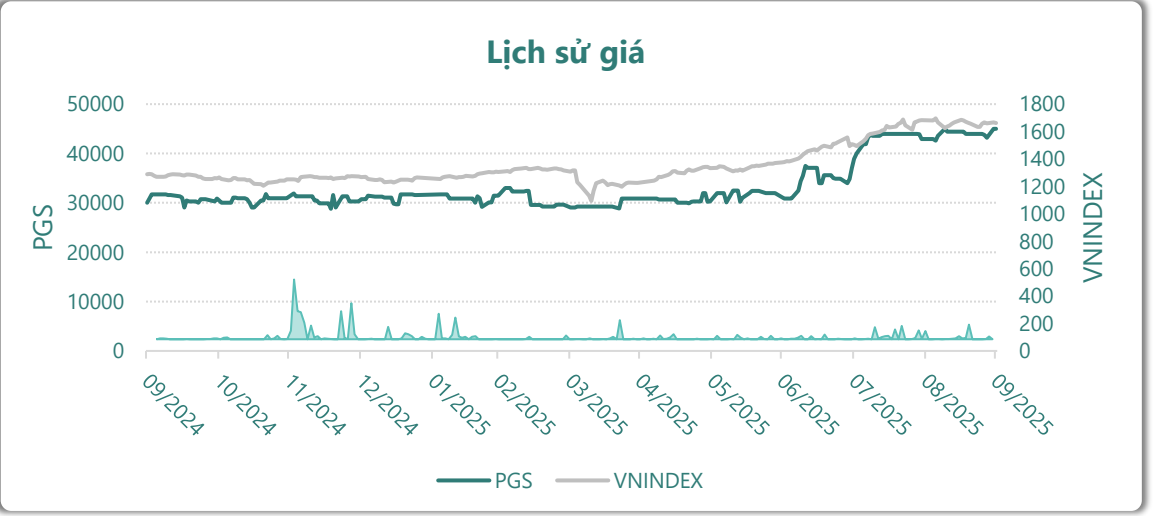
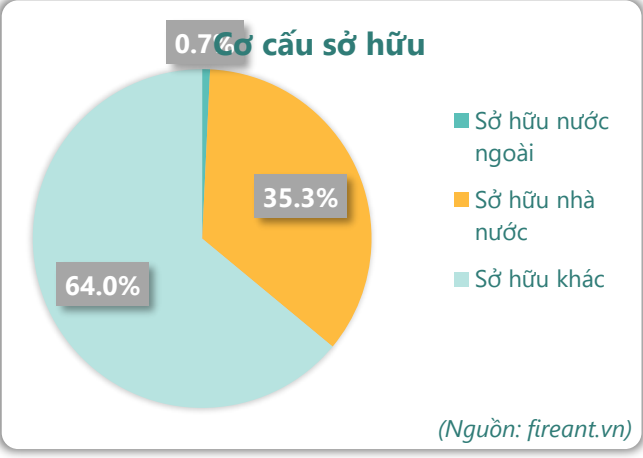
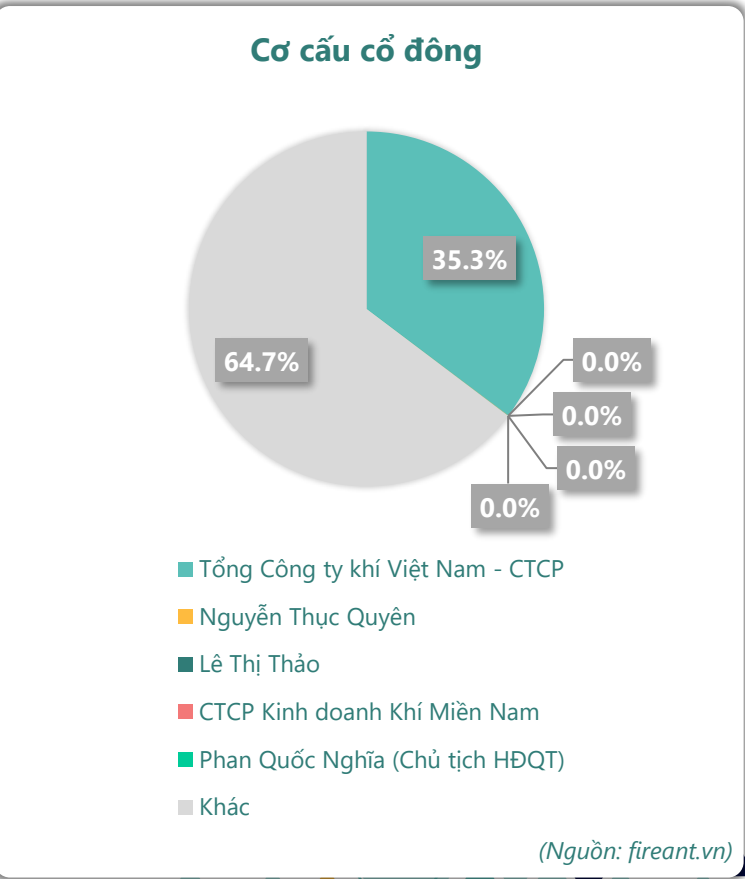
ROE (TTM) Q3/25
11.8%
YoY: +/-▼ 0.3%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	28,799 - 45,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,250
Số lượng CPLH (CP)	49,998,794
KLGD BQ 20 phiên (CP)	90
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	(0.03)
EPS	2,386
P/E	18.9

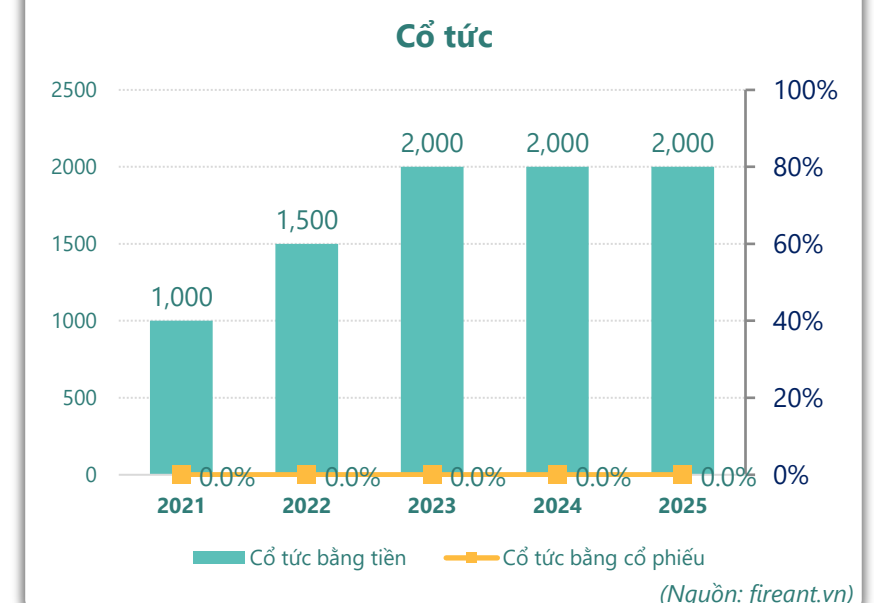
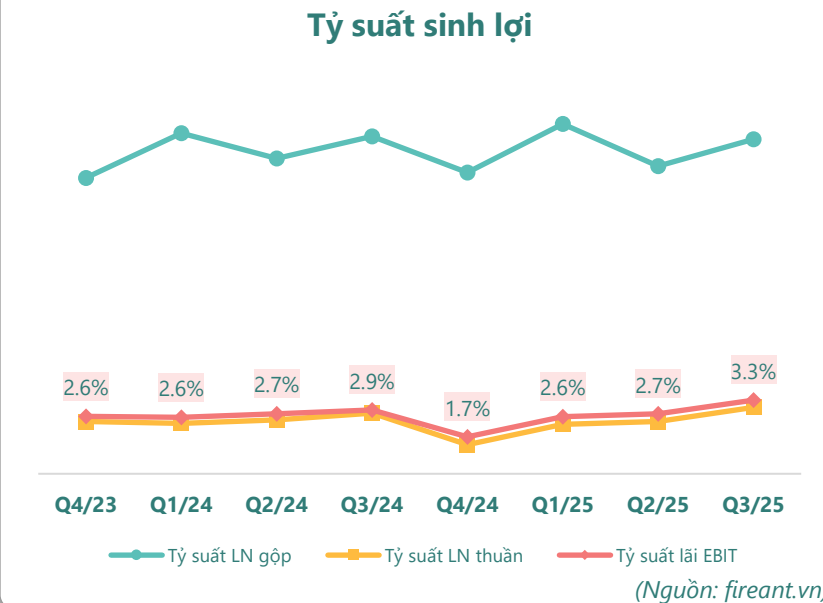
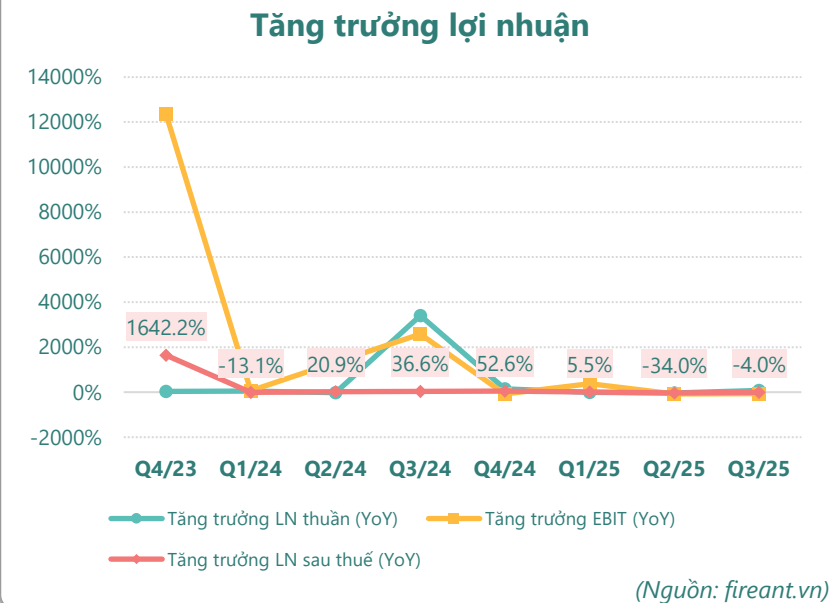
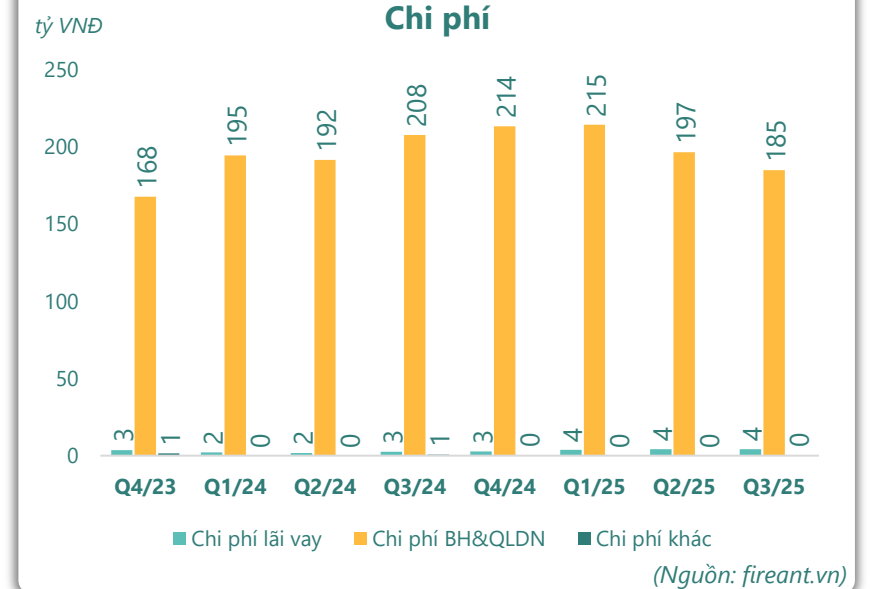
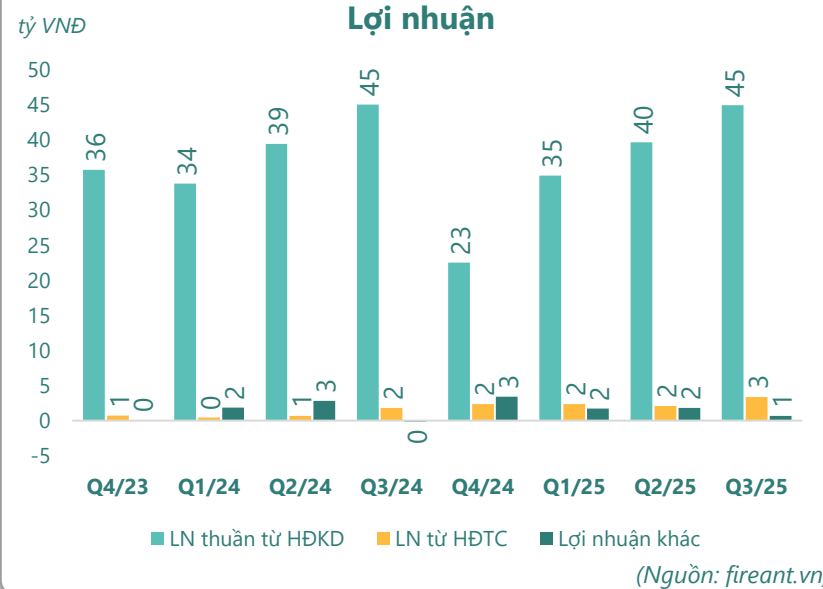
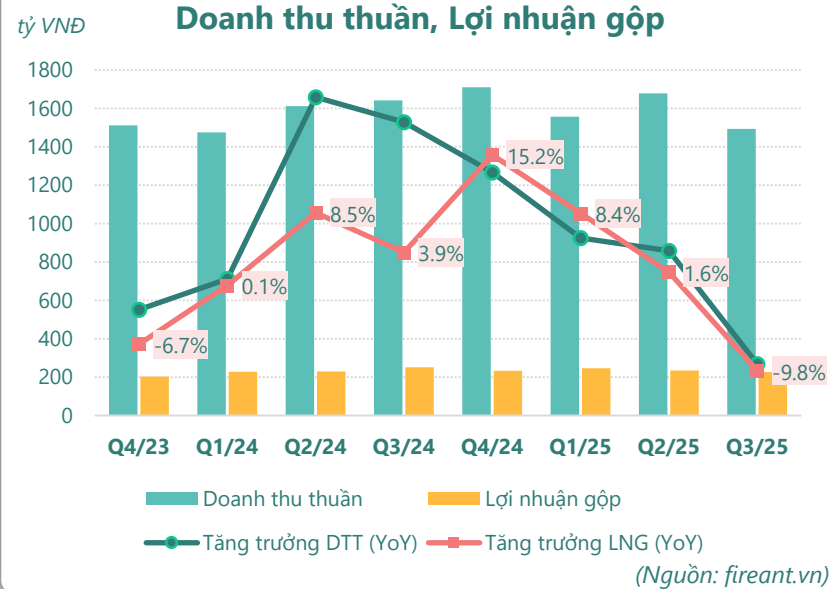
DT thuần 9T 2025
4,728
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.00 0.0%

LN thuần 9T 2025
120
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.00 1.0%

LN sau thuế 9T 2025
101
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.40 3.4%



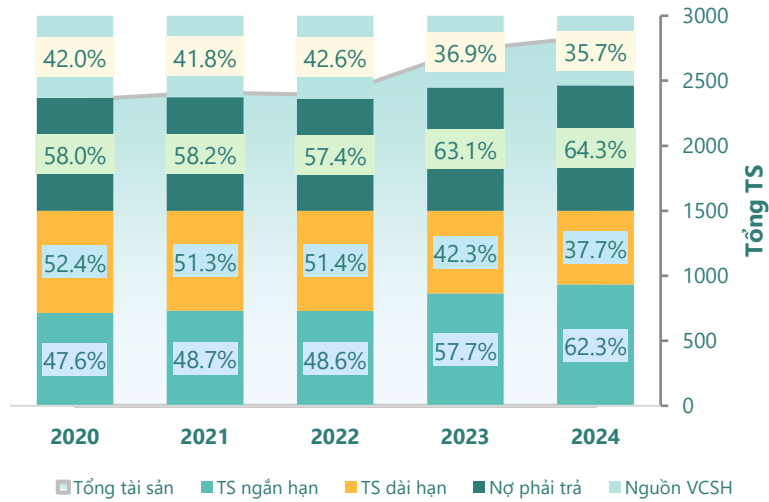
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

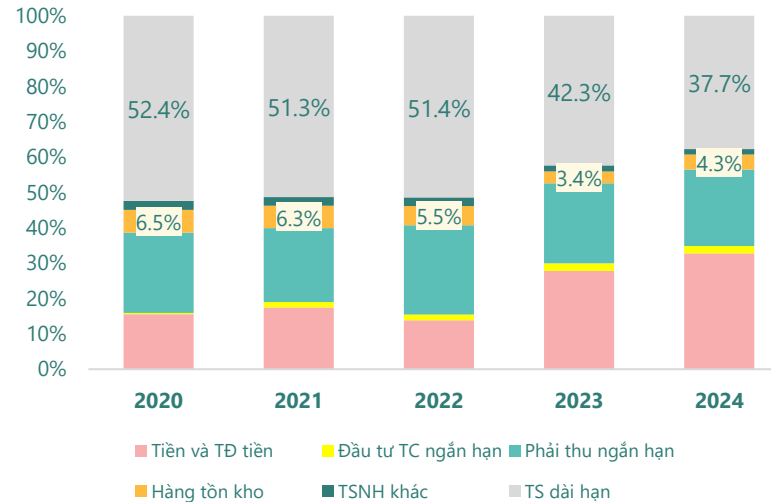
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

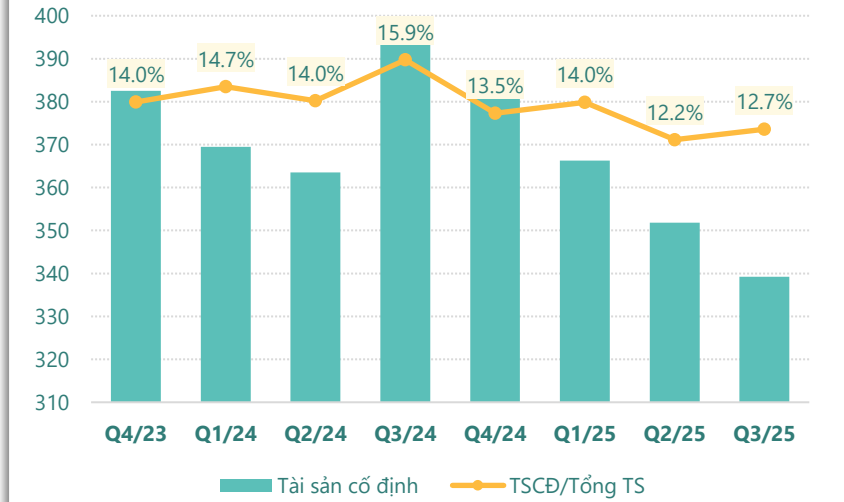
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

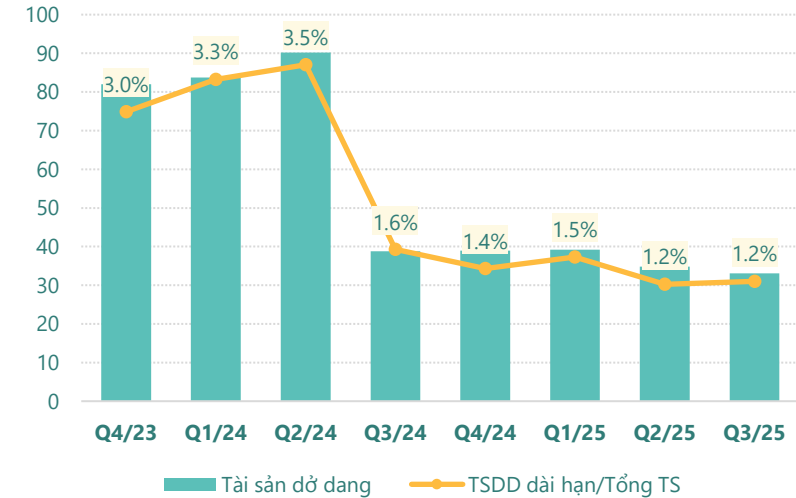
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

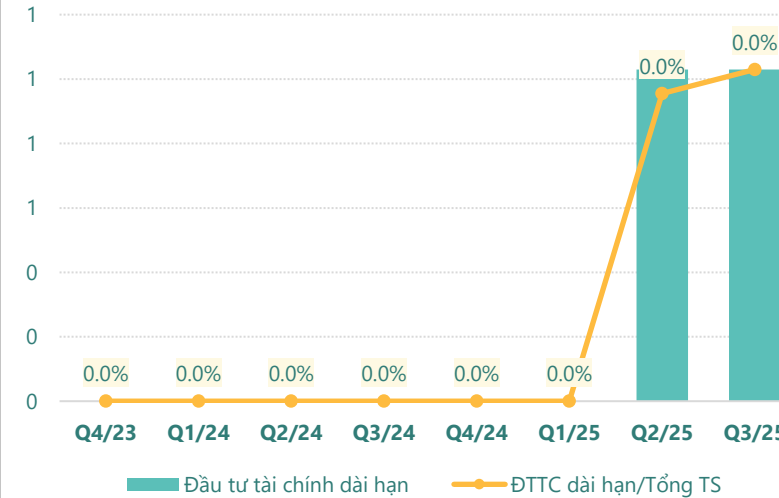
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

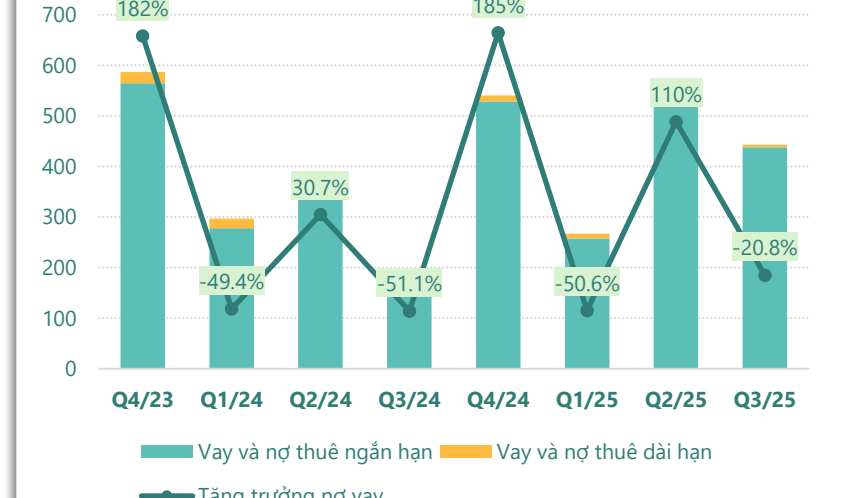
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

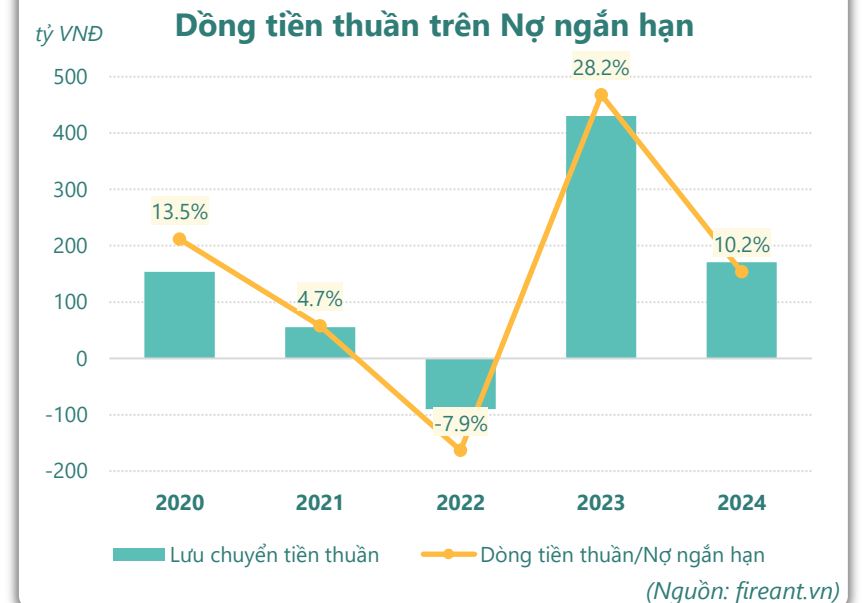
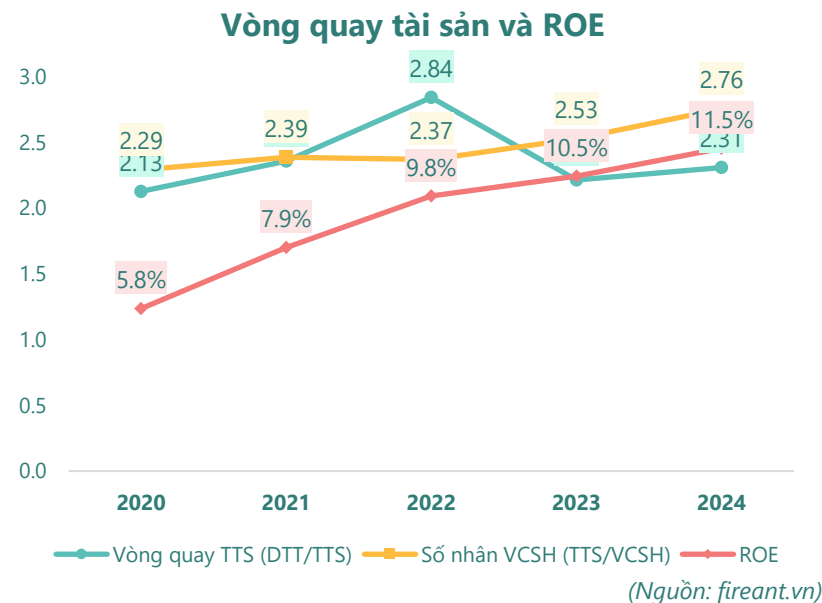
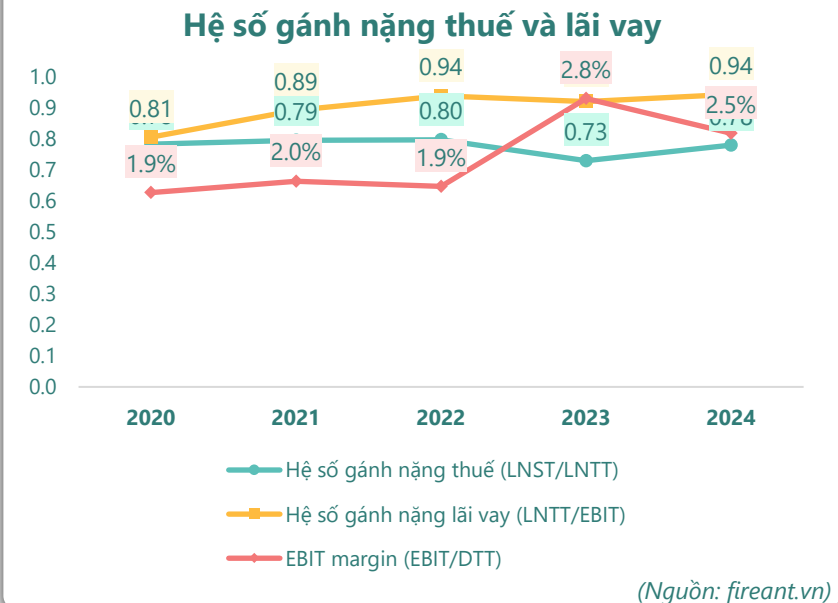
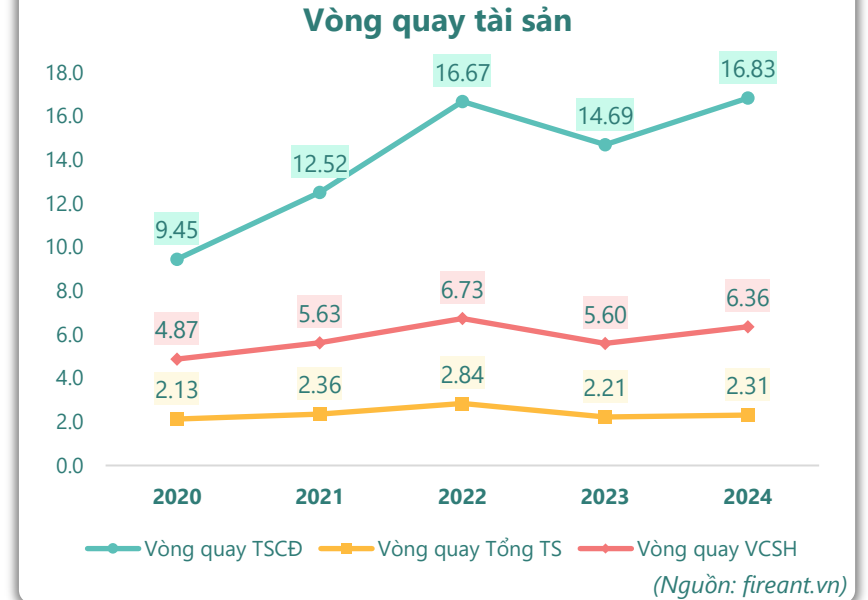
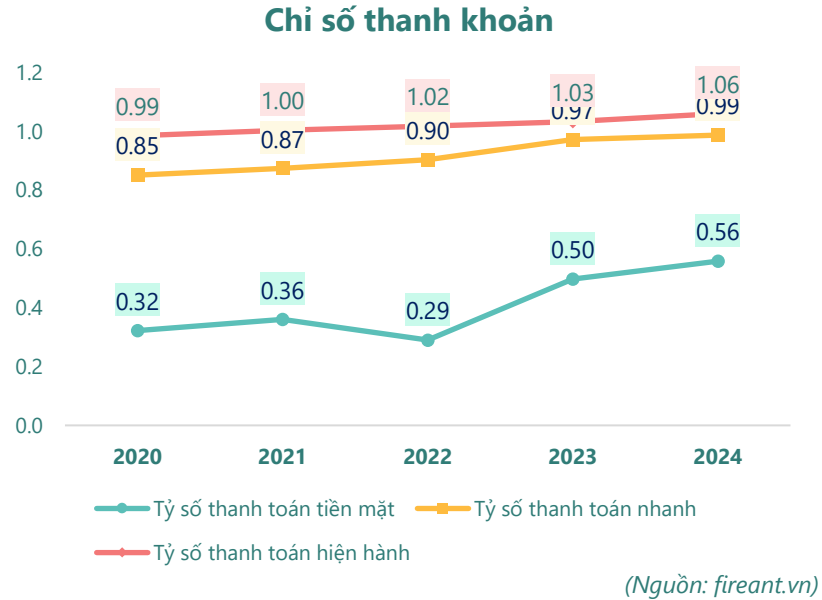
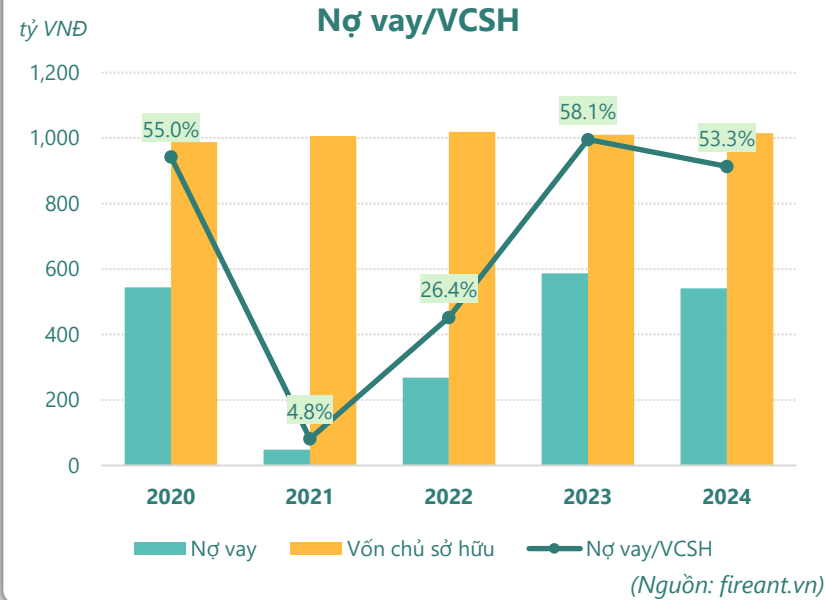
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,494	1,642	-9.0%	4,728	4,729	0.0%
Giá vốn hàng bán	1,267	1,390	-8.9%	4,020	4,019	0.0%
Lợi nhuận gộp	227	251	-9.7%	708	710	-0.3%
Doanh thu HĐTC	7.66	4.40	74.2%	20.0	9.33	115%
Chi phí TC	4.28	2.59	65.3%	12.2	6.38	91.1%
Chi phí lãi vay	4.23	2.55	66.1%	12.0	6.29	91.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	162	184	-12.2%	522	518	0.8%
Chi phí QLDN	23.4	24.2	-3.2%	74.1	76.5	-3.0%
LN thuần từ HĐKD	45.0	45.1	-0.3%	120	118	1.0%
Lợi nhuận khác	0.67	-0.13	618%	4.23	4.53	-6.6%
LN trước thuế	45.7	45.0	1.5%	124	123	0.8%
Lợi nhuận sau thuế	36.4	35.4	2.7%	101	97.6	3.4%
LNST của CĐ cty mẹ	36.4	35.4	2.7%	101	97.6	3.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	138	155	68.9	-33.6	95.7	34.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-65.0	103	-1.02	2.48	5.36	3.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.92	-199	351	-273	193	-117
Tiền đầu kỳ	389	455	513	932	627	921
Lưu chuyển tiền thuần	65.5	58.8	419	-305	294	-79.2
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.04	0.04	0.01	0.00	0.04	-0.03
Tiền cuối kỳ	455	513	932	627	921	842

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,667	2,841	-6.1%
Tài sản ngắn hạn	1,673	1,769	-5.4%
Tiền và tương đương tiền	842	932	-9.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.0	58.5	-0.8%
Phải thu ngắn hạn	601	614	-2.1%
Hàng tồn kho	129	122	5.6%
Tài sản ngắn hạn khác	43.9	42.8	2.7%
Tài sản dài hạn	994	1,072	-7.3%
Phải thu dài hạn	20.3	3.24	526%
Tài sản cố định	339	382	-11.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	33.1	39.0	-15.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.03	0	
Tài sản dài hạn khác	600	647	-7.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,654	1,827	-9.5%
Nợ ngắn hạn	1,529	1,668	-8.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	438	529	-17.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	792	849	-6.7%
Nợ dài hạn	124	158	-21.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	4.84	12.1	-60.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,014	1,015	-0.1%
Vốn chủ sở hữu	1,014	1,015	-0.1%
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

